TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Anh Chuyển

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Kim Chanh Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 1 năm 2018 về "Ly hôn tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1986, địa chỉ ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh T3 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn T2 sinh năm 1983, địa chỉ ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh T3 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Huỳnh Văn T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D vào ngày 01-12-2009. Sau khi kết hôn anh, chị về sống tại ấp Đ1, xã Đ1, huyện D cùng gia đình chồng làm nghề đóng đáy dưới sông, thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung là Huỳnh Văn P sinh ngày 06-10-2010. Năm 2014 chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, không nhường nhịn nhau, anh chị đã nhiều lần hòa giải bất đồng trong cuộc sống nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung

đã hơn 03 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T1. Về con chung chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi Huỳnh Văn P sinh ngày 06/10/2010 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Huỳnh Văn T1 thống nhất theo lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân đồng ý ly hôn, về con chung đồng ý giao cho chị T tiếp tục nuôi con, về tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Anh Huỳnh Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, không còn sống chung hơn 03 năm nay nhưng không có giải pháp đoàn tụ được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị T được ly hôn anh T1; đề nghị giao cho chị T được nuôi dưỡng 01 người con chung là Huỳnh Văn P; chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét và buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Huỳnh Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh T, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Thủy có nội dung yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Trọng.

[4]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T, thấy rằng chị T và anh T1 tự nguyện xác lập hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Đ, huyện D đúng theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 xảy ra từ đầu năm 2014 đến nay, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi bới đánh đập chị T và không lo cho cuộc sống gia đình, anh chị không còn sống chung nhưng không có giải pháp đoàn tụ với nhau, thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh T1 tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai thì anh thống nhất về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn giữa anh và chị T và anh đồng ý ly hôn với chị T, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1.

[5]. Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 người con chung là Huỳnh Văn P sinh ngày 06-10-2010. Từ lúc chị T và anh T1g sống ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con đảm bảo cho việc phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của con, tại biên bản lấy lời khai anh T1 cũng thống nhất giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, cũng như theo nguyện vọng của cháu P được sống chung mẹ nên căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T được tiếp tục chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng cháu P.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị T vẫn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[7]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Huỳnh Văn T1.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Văn P sinh ngày 06-10-2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu anh Huỳnh Văn T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Không bên nào được ngăn cản việc trong nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0013103 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Đ, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Yên